

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án: **267/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 04-8-2023.

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan

2. Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thuỳ Linh - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1269/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 – Vắng mặt.

Địa chỉ thường trú: TDP T, xã P, huyện B, tỉnh L.

Địa chỉ hiện nay: Nhà không số, đường H, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Thân Văn H1, sinh năm 1971 – Vắng mặt.

Địa chỉ thường trú: Chung cư A, đường N, khu phố 3, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Thân Văn H1 kết hôn vào năm 2020, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung và vợ chồng không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Cụ thể, bà và ông H1 đến với nhau nhưng đều có 02 người con riêng của hôn nhân trước. Sau khi kết hôn, cả hai đưa 02 người con riêng về chung sống với nhau tại chung cư A, phường Q. Trong thời gian chung sống với nhau bà và ông H1 có thêm con chung, tuy nhiên hôn nhân vợ chồng không mang lại hạnh phúc khi có sự không công bằng giữa con chung và con riêng như: ông H1 đối xử thiên vị với hai con riêng của bà. Mặt khác, ông H1 vô tâm không quan tâm, lo lắng cho vợ con như lúc vợ ốm đau bệnh tật, ông H1 không chia sẻ cùng bà. Từ đó, tình cảm vợ chồng không còn như trước nên bà dẫn hai người con riêng ra ngoài ở trọ từ tháng 11/2022 đến nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn với ông H1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Thân Nguyễn Đức H2, sinh ngày 13/8/2020. Ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho ông H1 nuôi dưỡng, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

**** Tại bản tự khai, lời trình bày tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn ông Thân Văn H1 trình bày:***

Về thời gian kết hôn cũng như nơi đăng ký kết hôn đúng như bà H trình bày. Tuy nhiên, về mâu thuẫn vợ chồng không như bà H trình bày. Trong thời gian chung sống ông hết lòng yêu thương vợ con, cụ thể ông làm tất cả mọi việc trong gia đình, quan tâm lo lắng cho vợ cũng như 02 người con riêng của vợ, đối xử công bằng với các người con không thiên vị như bà H trình bày. Việc bà H dẫn hai người con riêng ra ngoài ở trọ là lý do riêng của bà H chứ không phải vì hết tình cảm mà là bà H muốn sang Trung Quốc làm ăn không muốn để con riêng sống cùng với ông. Mặt khác, bà H muốn làm ăn với bạn bè và bị bạn bè yêu cầu phải ly hôn với ông mới cho vay tiền nên bà H kiên quyết xin ly hôn. Trong thời gian bà H ra ngoài ở trọ, vợ chồng vẫn qua lại và sinh hoạt vợ chồng bình thường nên ông thấy mâu thuẫn vợ chồng không đến mức phải ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thân Nguyễn Đức H2, sinh ngày 13/8/2020, đồng ý bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H; Về con chung: ghi nhận sự thỏa thuận của các bên, giao cháu Thân Nguyễn Đức H2, sinh ngày 13/8/2020 cho ông H1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Về tài sản chung, nợ chung: ông bà trình bày không có, nên không xem xét giải quyết. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H và ông H1 đều có đơn xin vắng mặt khi xét xử. Do vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H và ông H1.

[2] Về thẩm quyền: Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H1, có địa chỉ nơi cư trú: 809, Chung cư A2, đường N, khu phố 3, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H1 tự nguyện kết hôn vào năm 2020, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B theo luật định. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, công nhận hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hợp pháp.

[4] Qua đơn xin ly hôn của bà H, tại bản tự khai của các bên và lời trình bày tại các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giải cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 là có thật. Mặc dù, xác minh mâu thuẫn vợ chồng của ông bà tại địa phương không nắm được. Tuy nhiên qua lời trình bày của các bên cho thấy cả hai không còn chung sống với nhau từ lâu, như việc bà H đã dọn ra ngoài thuê trọ ở cùng với người con riêng của mình từ khoảng tháng 11/2022, và ly thân với nhau từ đó đến nay. Điều này, thể hiện cả hai đã không còn quan tâm lo lắng, chia sẻ cho nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân giữa bà H và ông H1 từ lâu đã không còn đạt được nên nếu có tạo điều kiện về thời gian

cho cả hai hòa giải hàn gắn cũng không có kết quả. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông H1.

[5] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Thân Nguyễn Đức H2, sinh ngày 13/8/2020. Quá trình làm việc, các bên đều thống nhất giao cháu Thân Nguyễn Đức H2 cho ông H1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên của ông bà.

[6] Về tài sản chung: Các bên trình bày không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Các bên trình bày không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[9] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H. Bà H được ly hôn với ông Thân Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Thân Nguyễn Đức H2, sinh ngày 13/8/2020 cho ông Thân Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bà Nguyễn Thị H không trực tiếp nuôi con nên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên được

quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007777 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và ông Thân Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH.
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân TP Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Diệp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa